

Số: HHAN-05/15h00/DBQG

Hà Nội, ngày 31 tháng 5 năm 2024

**TIN DỰ BÁO HẠN HÁN VÀ SẠT LỞ ĐẤT, SỤT LÚN ĐẤT DO
HẠN HÁN TRÊN KHU VỰC TRUNG TRUNG BỘ, NAM TRUNG BỘ
VÀ TÂY NGUYÊN**

(Từ ngày 01 đến ngày 10/6/2024)

1. Hiện trạng tổng lượng mưa, tổng lượng nước mặt trong 10 ngày qua

- Tổng lượng mưa (TLM) 11 ngày qua ở khu vực đồng bằng ven biển Trung Bộ phổ biến 5-40mm, có nơi cao hơn như: Ba Đồn 159.5mm, Tuy Hòa 63.9mm...; vùng núi và khu vực Bình Thuận có TLM phổ biến từ 70-150mm; khu vực Tây Nguyên phổ biến từ 60-140mm, có nơi cao hơn như: Đắk Nông 202.9mm, Cát Tiên 187.5mm...

Chuẩn sai lượng mưa tại các khu vực Trung Bộ, Tây Nguyên có sự phân bố không đồng đều. Khu vực từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi dao động 5-15mm so với TBNN, có nơi cao hơn TBNN như Ba Đồn cao hơn 130mm, Đông Hà 41mm, Khe Sanh 60mm. So với cùng thời kỳ 2023 phổ biến cao hơn 20-70mm; các tỉnh thuộc khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên phổ biến thiếu hụt từ 20-50mm so với TBNN cùng kỳ và thấp hơn năm 2023 phổ biến từ 30-120mm, riêng Bình Thuận và một số nơi ở Tây Nguyên có lượng mưa cao hơn TBNN từ 20-70mm.

- Khu vực Trung Trung Bộ: Mực nước trên các sông trong khu vực có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên các sông thấp hơn so với TBNN từ 20-86%, riêng Tả Trạch tại Thượng Nhật cao hơn TBNN cùng kỳ 236%, sông Trà Khúc tại Sơn Giang cao hơn 28%.

- Khu vực Nam Trung Bộ: Dòng chảy các sông ít biến đổi. Lưu lượng dòng chảy trung bình các sông biến đổi theo xu thế giảm dần và thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 70-85%, riêng sông An Lão tại An Hòa cao hơn 25%, sông Cái Nha Trang tại Đồng Trăng xấp xỉ so với TBNN.

- Khu vực Tây Nguyên: Dòng chảy các sông trên khu vực phổ biến dao động theo điều tiết của các nhà máy thủy điện, sông Krông Ana có xu thế tăng đến ngày 25/5 sau xuống dần. Trong 3 ngày đầu trên sông Cam Ly (Lâm Đồng)

xuất hiện 2 đợt lũ nhỏ, mực nước đỉnh lũ xấp xỉ mức BĐ2. Tổng lượng dòng chảy trên các sông ở Bắc Tây Nguyên thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 45-75%, trên các sông ở Nam Tây Nguyên cao hơn TBNN cùng kỳ từ 16-50%, riêng hạ lưu sông Srêpôk tại trạm Bản Đôn thấp hơn TBNN khoảng 7%.

2. Dự báo diễn biến tổng lượng mưa, tổng lượng nước mặt trong 10 ngày tiếp theo

- Dự báo TLM từ ngày 01-10/6/2024 tại khu vực Trung Bộ phổ biến 15-30mm, có nơi cao hơn; khu vực Bình Thuận và Tây Nguyên phổ biến từ 40-80mm, có nơi trên 100mm.

Chuẩn sai lượng mưa tại các khu vực phổ biến thiếu hụt từ 10-30mm so với TBNN, riêng khu vực Nam Tây Nguyên có nơi thiếu hụt 30-60mm so với TBNN cùng thời kỳ.

- Khu vực Trung Trung Bộ: Dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên các sông thấp hơn từ 10-87%, riêng sông Tả Trạch tại Thượng Nhật cao hơn TBNN cùng kỳ 292%, sông Thu Bồn tại Nông Sơn cao hơn 28%.

- Khu vực Nam Trung Bộ: Dòng chảy các sông trên khu vực ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy các sông phổ biến thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 15-60%, các sông ở Bình Định và Khánh Hòa ở mức xấp xỉ và cao hơn TBNN khoảng 10%.

- Khu vực Tây Nguyên: Dòng chảy trên các sông trên khu vực biến đổi theo điều tiết các các nhà máy thủy điện, sông Krông Ana ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy các sông thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 8-70%, một số sông ở mức cao hơn như sông Krông Búk, sông EaKrông và sông Đăk Nông.

Tình hình hạn hán, thiếu nước cục bộ tiếp tục diễn ra tại các tỉnh thuộc Trung, Nam Trung Bộ; tình hình hạn hán khu vực Tây Nguyên giảm nhanh và chấm dứt vào cuối tháng 5/2024 khi khu vực Tây Nguyên đã chính thức bước vào mùa mưa.

3. Cảnh báo sạt lở đất, sụt lún đất do hạn hán: Không

4. Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do hạn hán:

- **Khu vực Trung Trung Bộ:** cấp 1.

- **Khu vực Nam Trung Bộ:** hạn hán ở mức cục bộ.

5. Cảnh báo tác động của hạn hán:

Hạn hán làm giảm năng suất, sản lượng cây trồng, giảm diện tích gieo trồng, tăng chi phí sản xuất nông nghiệp; tăng giá thành và giá cả các lương

thực; giảm tổng giá trị sản phẩm chăn nuôi. Hạn hán gây khó khăn cho các nhà máy thủy điện trong quá trình vận hành, làm suy giảm, ô nhiễm nguồn nước ảnh hưởng đến dân sinh, kinh tế-xã hội.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 10/6/2024

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**

A handwritten signature in blue ink, appearing to read 'Phùng Tiến Dũng', with a long horizontal stroke extending to the right.

Phùng Tiến Dũng

Phụ lục

Phụ lục 1: Hiện trạng tổng lượng mưa, tổng lượng nước mặt

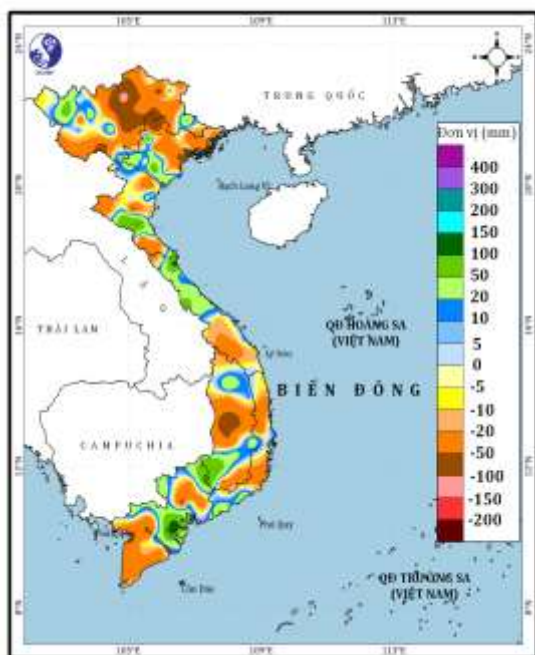
Bảng 1.1: Hiện trạng tổng lượng nước mưa từ ngày 21 đến ngày 31/5/2024

Khu vực/Tỉnh/Huyện	Trạm	Thực đo (mm)	So sánh với TBNN (mm)	So sánh năm trước (mm)
Trung Trung Bộ	Tuyên Hóa	35,4	-7,1	-35,4
	Đông Hới	33,4	4,6	26,9
	Ba Đồn	159,5	130,3	159,3
	Cồn Cỏ	14,8	-7,3	14,6
	Đông Hà	77,3	40,9	46,7
	Khe Sanh	117,2	60,4	68,5
	Huế	72,8	19,2	69,2
	A Lưới	108,9	11,1	-28,2
	Nam Đông	68,3	-15,9	40,2
	Hoàng Sa	700,2	687,4	684,5
	Đà Nẵng	31,7	3,7	21,9
	Tam Kỳ	36,4	9,7	20,9
	Trà My	74,8	-40,1	-41,0
	Lý Sơn	33,0	6,8	27,2
	Quảng Ngãi	10,0	-16,4	-42,1
	Ba Tơ	81,4	4,1	28,1
	Nam Trung Bộ	Hoài Nhơn	24,9	-7,6
An Nhơn		9,3	-32,6	-99,1
Quy Nhơn		8,2	-26,8	-41,1
Sơn Hoà		38,0	-42,6	-19,1
Tuy Hòa		63,9	12,8	17,7
Nha Trang		9,0	-23,0	-13,9
Cam Ranh		5,4	-25,6	-34,7
Sông Tử Tây		44,8	-20,6	-39,1
Trường Sa		69,6	11,6	-38,8
Phan Rang		2,9	-36,0	-5,1
Phan Thiết		78,1	18,7	50,7
La Gi		143,9	64,1	99,3
Phú Quý		80,4	31,6	-40,3
Phan Rí		77,3	35,0	68,1
Tây Nguyên	Đắk Tô	81,3	1,7	-88,3
	Kon Tum	133,5	49,6	-28,8
	Pleiku	60,9	-22,0	-117,3
	An Khê	78,9	12,3	-18,3
	Yaly	83,6	6,0	-97,5
	Ayunpa	23,7	-40,6	-68,2
	EaHleo	19,4	-76,1	-129,0
	Buôn Hồ	55,7	-24,0	-70,1
	M'Đrăk	121,3	36,1	29,2
	Buôn Ma Thuột	54,1	-44,9	-51,5
	EaKmat	50,5	-48,0	-42,9
Lắk	132,2	31,8	5,1	

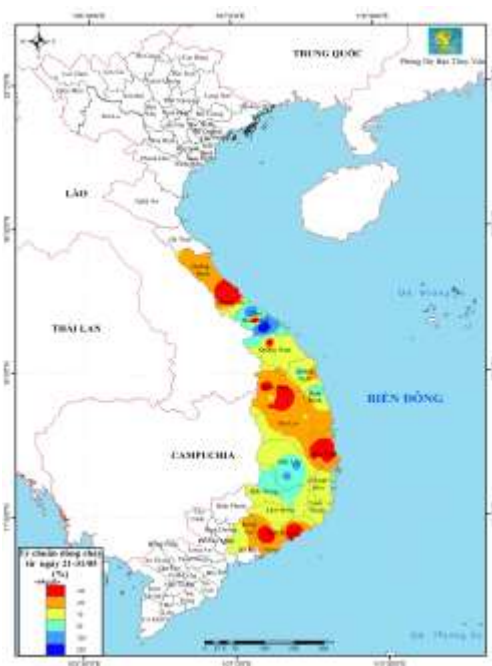
	Đắk Mil	88,7	-2,0	46,0
	Đắk Nông	202,9	102,0	154,0
	Đà Lạt	70,2	-14,9	-58,1
	Liên Khương	32,4	-44,0	-73,9
	Bảo Lộc	57,4	-39,5	-22,9
	Cát Tiên	187,5	109,3	122,2

Bảng 1.2: Hiện trạng tổng lượng nước mặt trên các lưu vực sông từ ngày 21 đến ngày 31/5/2024

Sông	Trạm	Thực đo (10⁶m³)	So sánh với TBNN (%)	So sánh năm trước (%)
Gianh	Đồng Tâm	15,2	<38	<25
Bến Hải	Gia Vòng	0,7	<86	>31
Tả Trạch	Thượng Nhật	32,6	>236	>188
Vu Gia	Thành Mỹ	16,0	<71	<33
Thu Bồn	Nông Sơn	136,9	>4	>61
Trà Khúc	Sơn Giang	102,6	>28	<2
Vệ	An Chỉ	8,8	<40	>36
An Lão	An Hòa	102,6	>33	>91
Ba	Củng Sơn	256,6	<77	<23
Cái Nha Trang	Đồng Trăng	374,5	<3	<37
Sông Lũy	Sông Lũy	51,3	<71	>17
La Ngà	Tà Pao	125,5	<71	<4
Pô Cô	Đăk Môt	16,4	<45	<13
Đakbla	Kon Tum	16,8	<59	<59
Đakbla	Konplong	5,2	<74	<50
Krông Ana	Giang Sơn	55,0	>50	>72
Srepok	Bản Đôn	135,2	<8	>19
Cam Ly	Thanh Bình	10,7	>16	<45



Hình 1.1: Bản đồ chênh lệch tổng lượng mưa 11 ngày so với TBNN khu vực Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên từ ngày 21 đến ngày 31/5/2024



Hình 1.2: Bản đồ chênh lệch tổng lượng dòng chảy 11 ngày so với TBNN khu vực Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên từ ngày 21 đến ngày 31/5/2024

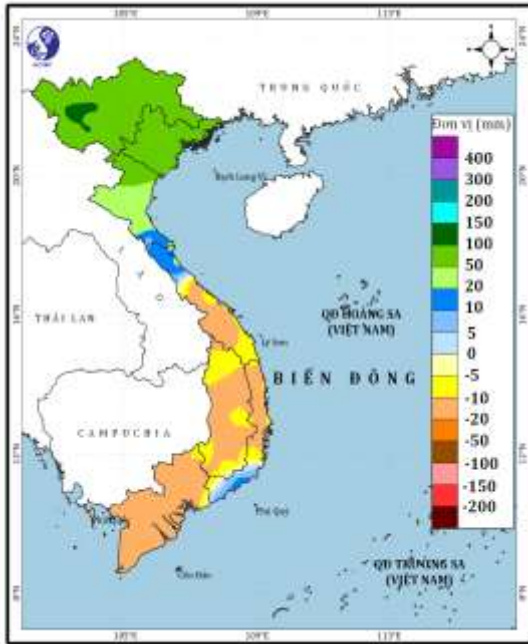
Phụ lục 2: Dự báo, cảnh báo tổng lượng mưa, tổng lượng nước mặt
Bảng 2.1: Dự báo tổng lượng nước mưa từ ngày 01 đến ngày 10/6/2024

Khu vực/Tỉnh/Huyện	Trạm	Dự báo (mm)	So sánh TBNN (mm)
Trung Trung Bộ	Tuyên Hóa	20-40	> 5-15
	Đồng Hới	20-40	> 15-30
	Ba Đồn	15-30	> 10-20
	Cồn Cỏ	5-15	< 5-15
	Đồng Hà	10-20	< 10-20
	Khe Sanh	30-50	< 5-15
	Huế	15-30	< 5-15
	A Lưới	30-50	< 10-20
	Nam Đông	30-50	< 10-20
	Hoàng Sa	50-80	< 10-20
	Đà Nẵng	15-30	< 5-15
	Tam Kỳ	15-30	< 5-15
	Trà My	50-80	< 5-15
	Lý Sơn	15-30	< 5-15
	Quảng Ngãi	15-30	< 5-15
	Ba Tơ	50-80	< 5-15
	Nam Trung Bộ	Hoài Nhơn	15-30
An Nhơn		15-30	< 5-15
Quy Nhơn		15-30	< 5-15
Sơn Hoà		15-30	< 5-15
Tuy Hòa		15-30	< 5-15
Nha Trang		15-30	< 5-15
Cam Ranh		15-30	< 5-15
Song Tử Tây		50-80	< 5-15
Trường Sa		50-80	< 5-15
Phan Rang		20-40	>5-15
Phan Thiết		15-30	>5-15
La Gi (Hàm Tân)		15-30	>5-15
Phú Quý		30-50	< 10-20
Phan Rí		30-50	> 10-20
Tây Nguyên	Đắk Tô	40-60	< 5-15
	Kon Tum	40-60	< 5-15
	Pleiku	30-50	< 10-20
	An Khê	15-30	< 5-15
	Yaly	70-100	< 10-20
	Ayunpa	20-40	<5-15
	EaHleo	20-40	<5-15
	Buôn Hồ	20-40	<5-15
	M'Đrắk	20-40	<5-15
	Buôn Ma Thuột	50-80	< 5-15
	EaKmat	50-80	< 5-15

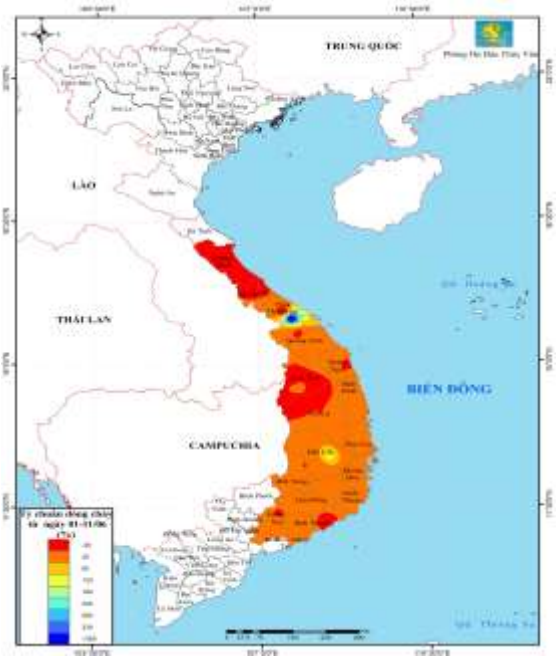
	Lắc	50-80	< 5-15
	Đắc Mil	50-80	< 5-15
	Đắc Nông	40-60	< 5-15
	Đà Lạt	40-60	< 5-15
	Liên Khương	30-50	< 10-20
	Bảo Lộc	30-50	< 10-20
	Cát Tiên	30-50	< 5-15

Bảng 2.2: Dự báo tổng lượng nước mặt trên các lưu vực sông từ 01 đến ngày 10/6/2024

Sông	Trạm	Dự báo (10 ⁶ m ³)	So sánh TBNN (%)
Gianh	Đồng Tâm	13,1	<46
Bến Hải	Gia Vòng	0,5	<87
Tả Trạch	Thượng Nhật	26,1	>292
Vu Gia	Thành Mỹ	12,3	<72
Thu Bồn	Nông Sơn	108	>28
Trà Khúc	Sơn Giang	81,2	>16
Vệ	An Chỉ	7,2	<44
An Lão	An Hòa	76,9	>13
Ba	Củng Sơn	734	<18
Cái Nha Trang	Đồng Trăng	309	~TBNN
Sông Lũy	Sông Lũy	68,3	<57
La Ngà	Tà Pao	318	<26
Pô Cô	Đắc Môt	17,3	<45
Đakbla	Kon Tum	15,3	<64
Đakbla	Konplong	6,1	<71
Krông Ana	Giang Sơn	30,8	<24
Srepok	Bản Đôn	143	<14
Cam Ly	Thanh Bình	8,1	<8



Hình 2.1: Bản đồ chênh lệch tổng lượng mưa 11 ngày so với TBNN khu vực Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên từ ngày 01 đến ngày 10/6/2024



Hình 2.2: Bản đồ chênh lệch tổng lượng dòng chảy 10 ngày so với TBNN khu vực Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên từ ngày 01 đến ngày 10/6/2024